

Bản án số: 177/2019/HS- PT

Ngày: 18 - 11 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

T3 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Khánh Hồng

Các thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Lan Phương

2. Ông Đặng Minh Tuấn

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lương Thị Thúy Linh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Bà Đinh Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:149/2019/TLPT-HS ngày 21/10/2019 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

* *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Bị cáo: Dương Thái H (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 11/9/1975; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tổ dân phố G, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12 dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Mai S, sinh năm 1943 và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945; bị cáo có 04 anh em, H là con thứ 03; Có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; có 02 con: lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 30/2009/HSST ngày 27/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên (nay là thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên) xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 24 ngày về tội “Đánh bạc”; Tại bản án số 37/2010/HSST ngày 02/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên (nay là thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên) xử 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt cho cả hai bản án là 24 tháng tù. (Đã chấp hành xong bản án tháng 9 năm 2012, đương nhiên xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giữ từ 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; Có mặt.

2. Bị cáo: Dương Đình L (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 12/12/1988 Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm BC, xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Quang K, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị L1, Sinh năm 1958; bị cáo có 04 anh em, L là con thứ 02; Có vợ: Trần

Thị T1, sinh năm 1995; có 01 con chung sinh 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 94/2011/HSST ngày 25/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử 07 tháng 17 ngày tù về tội “Đánh bạc”. (Đã chấp hành xong bản án, đương nhiên xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giữ từ 09/4/2019 đến ngày 18/4/2019; hiện tại ngoại; Có mặt.

3. Bị cáo: Đặng Văn H1 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 03/10/1991; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: thôn QT, xã YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn C, sinh năm 1964 và bà Đinh Thị Q, sinh năm 1967; Bị cáo có hai chị em, H1 là con thứ hai; Có vợ: Bùi Thị M, sinh năm 1993; có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019; hiện tại ngoại; Có mặt.

4. Bị cáo: Bùi Văn T2 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 24/3/1993

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Xóm N, xã TM, huyện LS, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Công nhân Công ty Samsung; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn X, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị A, sinh năm 1962; bị cáo có 05 anh em, T2 là con thứ 5; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ; hiện tại ngoại; Có mặt.

5. Bị cáo: Trần Nhật T3 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 20/10/1974; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Xóm TA 2, xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Kim C1 (Đã chết) và bà Phạm Thị U(Đã chết); bị cáo là con duy nhất; Có vợ: Trần Thị T4, sinh năm 1977; có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019; hiện tại ngoại; Có mặt.

6. Bị cáo: Trần Văn H2 (Tên gọi khác: Không); sinh ngày: 08/9/1986; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Xóm CL, xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Thiên chúa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn P, sinh năm 1952 và bà Đoàn Thị T3, sinh năm 1952; Bị cáo có 06 chị em, H2 là con thứ 04; Có vợ: Dương Thị T5, sinh năm 1987, có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019; hiện tại ngoại; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 09/4/2019. Tổ công tác Công an thị xã Phổ Yên kiểm tra nhà trọ của Dương Thái H thuộc Tổ dân phố G, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên phát hiện 06 (sáu) người đang đánh bạc dưới hình thức đánh ba

cây được thua bằng tiền Việt Nam đồng, gồm có Dương Thái H (chủ nhà), Dương Đình L, Trần Văn H2, Trần Nhật T3, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2. Tổ công tác Công an thị xã Phổ Yên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 06 đối tượng đánh bạc nói trên.

Tại quá trình điều tra các đối tượng bị bắt khai nhận như sau: Khoảng từ 13 giờ ngày 09/4/2019, Dương Đình L, Trần Văn H2, Trần Nhật T3, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2 có đến uống rượu tại nhà Dương Thái H ở địa chỉ: TDP G, phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Trong khi uống rượu, T2 và H1 rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây, được thua bằng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Sau đó, T2 và H1 rủ nhau lên phòng trọ trống tại tầng 2 dãy nhà trọ của Dương Thái H. Lúc sau, L và H2 cũng lên đây tham gia đánh bạc cùng với T2 và H1. Sau khi uống rượu xong thì H và T3 cũng rủ nhau lên tham gia đánh bạc bằng bộ bài T2 lơ khơ đánh ba cây. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Số tiền thu giữ tại chiếu bạc và tiền của những người đánh bạc giao nộp tổng cộng: 13.830.000đ, gồm: thu tại chiếu: 7.200.000đ, Đặng Văn H1 giao nộp 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng); Trần Văn H2 giao nộp: 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng); Trần Nhật T3 giao nộp: 1.530.000đ. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo là 11.500.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Dương Thái H, Dương Đình L, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2 phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng Điều 58, khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

1. Bị cáo Dương Thái H 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ trước đó từ ngày 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

2. Bị cáo Dương Đình L 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ trước đó từ ngày 09/4/2019 đến ngày 18/4/2019.

*Áp dụng Điều 58, khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

3. Bị cáo Đặng Văn H1 06 (sáu) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ trước đó từ ngày 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

4. Bị cáo Bùi Văn T2 06 (sáu) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ trước đó từ ngày 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

5. Bị cáo Trần Nhật T3 06 (sáu) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ trước đó từ ngày 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

6. Bị cáo Trần Văn H2 06 (sáu) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ trước đó từ ngày 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 11/9/2019 các bị cáo Dương Thái H, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 12/9/2019 bị cáo Trần Văn H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 13/9/2019 bị cáo Trần Nhật T3 kháng cáo xin được hưởng án treo, ngày 18/9/2019 bị cáo Dương Đình L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Thái H giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Đình L, sửa án sơ thẩm, giảm án cho bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 8 đến 9 tháng tù.

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2, sửa bản án sơ thẩm đối với 4 bị cáo; giữ nguyên mức án và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Dương Thái H, Dương Đình L, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2 được làm trong hạn luật định là hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Dương Đình L, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Văn H2 bổ sung kháng cáo xin hưởng án treo, xét việc bổ sung kháng cáo của 4 bị cáo là đúng pháp luật được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 09/4/2019 tại gia đình nhà Dương Thái H có tổ chức ăn cơm, uống rượu. Sau khi ăn cơm xong các bị cáo Dương Thái H, Dương Đình L, Đặng

Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2 rủ nhau lên tầng hai phòng trọ nhà H để đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây. Đến khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo là 11.500.000đ.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước về trật tự công cộng, an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Dương Thái H, Dương Đình L, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng mức án thấp nhất của bị cáo Dương Thái H. Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đều tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và án phí theo quyết định của án sơ thẩm; bị cáo H nộp tài liệu xác nhận có bố để được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng thêm 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã bị xét xử bằng 2 bản án về cùng loại tội nhưng không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội. Mặt khác, bị cáo đã sử dụng nơi thuộc bị cáo quản lý để cùng các bị cáo khác đánh bạc nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Bản án số 37/2010/ HSST ngày 02/7/2010 đã xử phạt bị cáo 15 tháng tù, lẽ ra bản án này phải xử phạt bị cáo mức án cao hơn nhưng bản án sơ thẩm chỉ phạt bị cáo 12 tháng tù là đã có lợi cho bị cáo. Vì vậy, cần giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo H theo lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Xét kháng cáo xin giảm án và xin hưởng án treo của bị cáo Dương Đình L, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và án phí theo quyết định của án sơ thẩm; bị cáo L nộp tài liệu xác nhận mẹ đẻ của bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang nên bị cáo được hưởng thêm 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu nên không thể cho bị cáo hưởng án treo được, chỉ có thể xem xét giảm hình phạt cho bị cáo theo lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Xét kháng cáo xin được hưởng mức án thấp nhất và xin hưởng án treo của các bị cáo Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Văn H2 và Trần Nhật T3, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, cả 4 bị cáo đều tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và án phí theo quyết định của án sơ thẩm nên các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo là những người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 và 1 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ

luật hình sự. Như vậy trường hợp của các bị cáo hoàn toàn thỏa mãn các quy tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự. Vì vậy, có căn cứ để giữ nguyên mức án và chuyển treo cho 4 bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật để bị cáo có điều kiện tự cải tạo tốt, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

[5] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Dương Thái H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Dương Đình L, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thái H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Đình L, sửa án sơ thẩm, giảm án cho bị cáo L.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2, sửa bản án sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với 4 bị cáo;

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Thái H, Dương Đình L, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2 phạm tội “Đánh bạc”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

-Xử phạt Bị cáo Dương Thái H 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. (được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019).

-Xử phạt bị cáo Dương Đình L 08 (tám) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ trước đó từ ngày 09/4/2019 đến ngày 18/4/2019.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

-Xử phạt các bị cáo Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2, mỗi bị cáo mức án 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bùi Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện LS, tỉnh Hòa Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Trần Nhật T3 và Trần Văn H2 cho Ủy ban nhân dân xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ghi nhận việc bị cáo Dương Thái H đã nộp 12.200.000đ; các bị cáo Dương Đình L, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2, mỗi bị cáo nộp 10.200.000đ tiền phạt bổ sung và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên theo các biên lai thu từ số 0006619 đến số 0006624 ngày 01/11/2019.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: buộc bị cáo Dương Thái H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo Dương Đình L, Đặng Văn H1, Bùi Văn T2, Trần Nhật T3, Trần Văn H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. TN;
- VKSND TX PY, TN;
- Công an TX PY, TN;
- TAND TX PY, TN;
- THADS TX PY, TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Khánh Hồng